

Bản án số: 94/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17-7-2026

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Đình Phong

2. Bà Trịnh Thị Thuý Toàn

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Đức Định – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Lý Văn Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai và điểm cầu thành phần trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Lào Cai, xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2026/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 và **Thông báo mở lại phiên toà số: 27/QĐ-TA ngày 23 tháng 6 năm 2026**; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Vĩnh P, sinh năm 1981, số căn cước 015081010544, cấp ngày 06-9-2022, nơi cấp Cục QLHC về TTXH; Nơi cư trú: Tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1979, số căn cước: 035179004057, cấp ngày 06-4-2021, nơi cấp Cục QLHC về TTXH; Nơi cư trú: Thôn S, xã L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại điểm cầu trung tâm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Lê Vĩnh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Liên kết H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là xã L, tỉnh Lào Cai) ngày 01/3/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà thuê tại tổ A, phường Y, TP Y, tỉnh Yên Bái đến tháng 11/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chị L lấy lý do về trên xã M (nay là xã L

trông mẹ đẻ chị L ốm), xong từ đó chị L ở luôn trên đó không về chung sống với anh nữa, gia đình anh và anh đã lên tận trên nhà mẹ đẻ chị L gặp chị L để động viên chị L về ở với anh nhưng chị L vẫn không về, anh cũng gọi điện để bảo chị L về nhà ở với anh nhưng chị L kiên quyết không về, từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa, anh đã tìm đủ mọi cách để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Trần Thị L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L nhưng chị L không đến tòa để giải quyết việc anh P xin ly hôn chị, chị L không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án không tiến hành hoà giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; **Điều 227**; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; **Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14** ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Vĩnh P để xử cho anh P được ly hôn với chị Trần Thị L. Về án phí: Anh Lê Vĩnh P phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Trần Thị L có hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã L, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Bị đơn chị Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai xét xử vắng mặt chị L là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Vĩnh P và chị Trần Thị Liên kết H tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là xã L, tỉnh Lào Cai) ngày 01/3/2023. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh P xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do do chị L lấy lý do về trên xã M (nay là xã L trông mẹ đẻ chị L ốm), xong từ đó chị L ở luôn trên đó không về chung sống với anh P nữa, anh đã tìm mọi cách để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Lê Vĩnh P và chị Trần Thị L đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, chị L không có mặt để hoà giải thể hiện chị L không có thiện chí hoà giải. Do đó yêu cầu xin ly

hôn của anh P là có căn cứ, cần được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh Lê Vĩnh P được ly hôn chị Trần Thị L.

[3] Về con chung: Anh P và chị L không có con chung nên không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh Lê Vĩnh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Vĩnh P được ly hôn chị Trần Thị L.

2. Về án phí: Anh Lê Vĩnh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0001204 ngày 02/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận anh P đã nộp đủ.

Anh Lê Vĩnh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND KV2-LC;
- P. THADS KV2-LC;
- Các đương sự;
- UBND xã Lâm Thượng;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Anh Đào